TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị N và anh Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh Diễn;

2. Bà Trần Thị Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thập - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-ST ngày 05/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cam Đức Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và và anh Cam Đức Đ kết hôn ngày 17/11/2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận và

hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 5/2016 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp. Đến đầu năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Nay, chị cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

- *Về nuôi con chung:* Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Cam Thị A, sinh ngày 03/4/2011 và cháu Cam Thị Mỹ L, sinh ngày 24/02/2015. Hiện các cháu khỏe mạnh và đang ở với chị.

Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cháu A và nhất trí giao cháu L cho anh Đ nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Chị cho rằng chị đảm bảo các điều kiện về mặt tinh thần cũng như vật chất để nuôi con chung là cháu A. Hiện chị đang làm lao động tự do thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

- *Về chia tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Đối với bị đơn là anh Cam Đức Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với địa phương (UBND xã Đ) tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án về việc giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật cho anh Đ (trước đó Tòa án chỉ tiến hành tống đạt được Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Đ), nhưng anh Đ không chấp hành nên Tòa án không tiến hành lấy lời trình bày của anh Đ cũng như tiến hành hòa giải được.

*. Tại các biên bản làm việc ngày 14/5/2018 giữa Tòa án nhân dân huyện Gia Bình với UBND xã Đ cũng cung cấp những nội dung phù hợp với những nội dung như chị N trình bày.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th□ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (trừ bị đơn).

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

+. *Về hôn nhân:* Cho chị N được ly hôn anh Đ.

+. *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu L cho anh Đ nuôi dưỡng; giao con chung là cháu A cho chị N nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

+. *Về chia tài sản:* Không đề cập giải quyết.

+. *Về án phí:* Buộc chị Nga phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[*1. Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa mở lại hôm nay, bị đơn là anh Cam Đức Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án. **]**

[*2. Về hôn nhân:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Cam Đức Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được (bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt), chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; còn anh Đ trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành báo gọi lên giải quyết và hòa giải nhiều lần, nhưng anh Đ không đến, hơn nữa tại phiên tòa mở lại hôm nay, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh Đ nhằm gây khó khăn và thực sự không có thiện chí đoàn tụ.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. **]**

[*3. Về nuôi con chung:* Xét thấy, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chưa thành niên và nay hai bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, cũng như nguyện vọng của con và điều kiện nuôi con của hai bên, nên cần giao cháu Cam Thị A cho chị N nuôi dưỡng; còn cháu Cam Thị Mỹ L cho anh Đ nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Do không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét. **]**

[*4. Về chia tài sản:* Do không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật. **]**

[*5. Về án phí:* Chị Nga phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. **]**

[6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. **]**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Cam Đức Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Cam Thị Mỹ L, sinh ngày 24/02/2015 cho anh Cam Đức Đ nuôi dưỡng; Cam Thị A, sinh ngày 03/4/2011 cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đề cập giải quyết.

**. Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2015/0001251 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**. Về quyền kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND xã Đông cứu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyến
(đã ký)